

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÌNH VŨ

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008
đến ngày 30/09/2008**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 – 02
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	03 – 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 – 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 – 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 29

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÌNH VŨ
Lô C1, Khu kinh tế Đình Vũ, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 09 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Trần Văn Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Dương Hữu Hiếu	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Miên	Thành viên
Ông Đào Trọng Khôi	Thành viên
Ông Đoàn Trung Hà	Thành viên
Ông Trương Quang Thắng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Nhuận	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 01/07/2008)
Ông Lê Mạnh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02/06/2008)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÌNH VŨ
Lô C1, Khu kinh tế Đình Vũ, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 11 năm 2008

Số: 018 /Deloitte-AUDHP-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 09 năm 2008. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/09/2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (Tiếp theo)

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý tại thuyết minh số 2 của phần thuyết minh báo cáo tài chính, do giá thép giảm mạnh từ tháng 7/2008 làm cho hàng tồn kho của Công ty đã bị suy giảm về mặt giá trị một khoản là 369.518.173.869 VNĐ tại ngày 30/09/2008. Công ty có lỗ thuần là 113.984.318.585 VNĐ trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008, lỗ lũy kế là 113.075.875.855 VNĐ, và công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản lưu động là 345.635.070.495 VNĐ. Những vấn đề này cho thấy khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty là không chắc chắn. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách cân trọng và tin tưởng rằng: với khả năng thành công của kế hoạch phát hành thêm cổ phần, với tính khả quan của kế hoạch kinh doanh trong năm tới và với sự cam kết tiếp tục hỗ trợ từ phía các ngân hàng, Công ty có thể trang trải được các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động kinh doanh mà không phải thu hẹp qui mô hoạt động. Do đó báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên giả thiết Công ty tiếp tục hoạt động là phù hợp.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
kiểm phụ trách Chi nhánh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE
VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG**
Ngày 28 tháng 11 năm 2008
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Trần Ngọc Bảo
Chủ nhiệm kiểm toán
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0796/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		771.792.787.754	248.291.367.829
I. Tiền	110	4	48.699.863.827	12.808.116.644
1. Tiền	111		48.699.863.827	12.808.116.644
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.147.297.141	48.925.708.695
1. Phải thu khách hàng	131		76.181.418.014	8.101.415.426
2. Trả trước cho người bán	132		44.783.266.360	39.393.276.012
3. Các khoản phải thu khác	135		15.182.612.767	1.431.017.257
III. Hàng tồn kho	140	5	564.546.159.175	173.668.650.473
1. Hàng tồn kho	141		934.064.333.044	175.480.813.815
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(369.518.173.869)	(1.812.163.342)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.399.467.611	12.888.892.017
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.002.144.462	703.860.005
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.766.339.001	4.847.936.741
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.630.984.148	7.337.095.271
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		626.275.679.210	289.414.659.042
I. Tài sản cố định	220		561.638.555.796	254.220.983.346
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	222.043.847.056	208.767.864.507
- Nguyên giá	222		264.872.294.781	235.971.654.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.828.447.725)	(27.203.790.132)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	7	11.966.708.524	11.594.332.805
- Nguyên giá	225		15.070.295.332	13.461.056.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.103.586.808)	(1.866.723.350)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	17.027.548.123	17.337.875.759
- Nguyên giá	228		18.877.793.000	18.852.001.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.850.244.877)	(1.514.125.241)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	310.600.452.093	16.520.910.275
II. Tài sản dài hạn khác	260		64.637.123.414	35.193.675.696
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	60.831.331.414	34.488.283.696
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.805.792.000	705.392.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.398.068.466.964	537.706.026.871

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.375.870.202.305	350.454.906.357
I. Nợ ngắn hạn	310		1.117.427.858.249	256.131.481.576
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	859.663.982.245	163.038.503.636
2. Phải trả người bán	312		223.282.049.667	75.160.446.193
3. Người mua trả tiền trước	313		7.454.885.312	3.215.706.116
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	12.367.337.359	3.679.027.729
5. Phải trả người lao động	315		2.595.080.113	2.762.429.958
6. Chi phí phải trả	316		8.608.007.502	6.075.260.814
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		3.456.516.051	2.200.107.130
II. Nợ dài hạn	330		258.442.344.056	94.323.424.781
1. Phải trả dài hạn khác	333		80.000.000	112.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	13	255.992.363.756	93.950.465.337
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.369.980.300	260.959.444
B. NGUỒN VỐN	400		22.198.264.659	187.251.120.514
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	20.562.984.358	187.251.120.514
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.504.400.000	115.504.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.134.460.213	17.134.460.213
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		500.000.000	-
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		500.000.000	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	420		(113.075.875.855)	54.612.260.301
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.635.280.301	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	14	1.635.280.301	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.398.068.466.964	537.706.026.871

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại (USD)

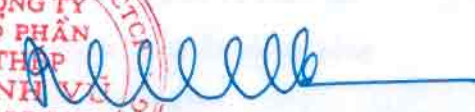
30/09/2008

31/12/2007

-

680,00




Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 11 năm 2008


Vũ Hồng Khanh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2008 đến 30/09/2008	Từ ngày 01/01/2007 đến 30/09/2007 (Chưa kiểm toán)
1. Doanh thu bán hàng	01	15	1.674.307.535.065	780.714.929.477
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	22.908.234.635	63.603.935
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10	15	1.651.399.300.430	780.651.325.542
4. Giá vốn hàng bán	11		1.682.262.508.752	729.217.686.401
5. Lợi nhuận (lỗ) gộp về bán hàng	20		(30.863.208.322)	51.433.639.141
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	37.499.032.914	817.359.378
7. Chi phí tài chính	22	17	90.089.048.066	23.070.100.084
8. Chi phí bán hàng	24		6.369.120.078	109.112.757
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.481.138.795	9.757.007.328
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(118.303.482.347)	19.314.778.350
11. Thu nhập khác	31		5.132.003.528	385.832.670
12. Chi phí khác	32		812.839.766	2.805.606
13. Lợi nhuận khác	40	18	4.319.163.762	383.027.064
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		(113.984.318.585)	19.697.805.414
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	-	-
16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	60		(113.984.318.585)	19.697.805.414



Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 11 năm 2008

Vũ Hồng Khanh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008

Mẫu số B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2008 đến 30/09/2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. <i>Lỗ trước thuế</i>	01	(113.984.318.585)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		444.900.647.172
- Khấu hao tài sản cố định	02	17.197.640.687
- Các khoản dự phòng	03	369.518.173.869
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(6.034.122.670)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.052.301.243)
- Chi phí lãi vay	06	68.271.256.529
3. <i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	330.916.328.587
- Tăng các khoản phải thu	09	(96.534.279.583)
- Tăng hàng tồn kho	10	(760.395.682.571)
- Tăng các khoản phải trả	11	30.412.902.794
- Tăng chi phí trả trước	12	(29.641.332.175)
- Tiền lãi vay đã trả	13	61.278.712.893
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.114.681.930
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(206.239.200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(463.054.907.325)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(324.974.743.137)
2. Tiền thu lãi cho vay	27	4.052.301.243
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(320.922.441.894)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.285.039.862.994
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.428.391.214.717)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(3.264.632.733)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(33.514.919.142)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	819.869.096.402
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	35.891.747.183
Tiền đầu kỳ	60	12.808.116.644
Tiền cuối kỳ	70	48.699.863.827

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong kỳ không bao gồm số tiền 359.530.000 VNĐ là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 11 năm 2008

Vũ Hồng Khanh
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000397 ngày 04/03/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Khu kinh tế Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2008 là 873 người (năm 2007 là 652 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất phôi thép.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tuy nhiên, báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ tiếng Việt.

Tại ngày 30/09/2008, do giá thép giảm mạnh từ tháng 7/2008 làm cho hàng tồn kho của Công ty đã bị suy giảm về mặt giá trị một khoản là 369.518.173.869 VNĐ, số lỗ lũy kế của Công ty là 113.075.875.855 VNĐ và tổng công nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản lưu động là 345.635.070.495 VNĐ. Những vấn đề này cho thấy khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty là không chắc chắn. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự thành công của kế hoạch phát hành thêm cổ phần, lợi nhuận có thể thu được trong tương lai và việc tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty từ phía các tổ chức tài chính tài trợ vốn cho Công ty. Ban điều hành của Công ty đang cố gắng gia hạn các khoản nợ, tăng doanh số bán và đẩy mạnh chất lượng sản phẩm để tăng doanh thu, giảm chi phí.

Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách cẩn trọng và tin tưởng rằng: với khả năng thành công của kế hoạch phát hành thêm cổ phần, với tính khả quan của kế hoạch kinh doanh trong năm tới và với sự cam kết tiếp tục hỗ trợ từ phía các ngân hàng, Công ty có thể trang trải được các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động kinh doanh mà không phải thu hẹp qui mô hoạt động. Do đó báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên giả thiết Công ty tiếp tục hoạt động là phù hợp.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000397 ngày 04/03/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Khu kinh tế Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2008 là 873 người (năm 2007 là 652 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất phôi thép.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tuy nhiên, báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ tiếng Việt.

Tại ngày 30/09/2008, do giá thép giảm mạnh từ tháng 7/2008 làm cho hàng tồn kho của Công ty đã bị suy giảm về mặt giá trị một khoản là 369.518.173.869 VNĐ, số lỗ lũy kế của Công ty là 113.075.875.855 VNĐ và tổng công nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản lưu động là 345.635.070.495 VNĐ. Những vấn đề này cho thấy khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty là không chắc chắn. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự thành công của kế hoạch phát hành thêm cổ phần, lợi nhuận có thể thu được trong tương lai và việc tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty từ phía các tổ chức tài chính tài trợ vốn cho Công ty. Ban điều hành của Công ty đang cố gắng gia hạn các khoản nợ, tăng doanh số bán và đẩy mạnh chất lượng sản phẩm để tăng doanh thu, giảm chi phí.

Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách cẩn trọng và tin tưởng rằng: với khả năng thành công của kế hoạch phát hành thêm cổ phần, với tính khả quan của kế hoạch kinh doanh trong năm tới và với sự cam kết tiếp tục hỗ trợ từ phía các ngân hàng, Công ty có thể trang trải được các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động kinh doanh mà không phải thu hẹp qui mô hoạt động. Do đó báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên giả thiết Công ty tiếp tục hoạt động là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, đồng thời, khi tính giá trị có thể thực hiện thuần của hàng tồn kho cho mục đích lập dự phòng, Công ty cũng đã xem xét việc giảm giá của hàng tồn kho đến ngày phát hành báo cáo tài chính này.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	08 – 10
Thiết bị quản lý	05 – 08
Tài sản cố định khác	08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (số năm)
Máy móc và thiết bị	6 – 10
Phương tiện vận tải	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện: (1) Giá trị quyền sử dụng đất; (2) Chi phí liên quan đến xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000; (3) Phần mềm quản lý. Các tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ thuế.

Theo quy định tại giấy chứng nhận đầu tư đầu tư, đối với hoạt động sản xuất chính là phôi thép, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và áp dụng thuế suất 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÌNH VŨ
 Lô C1, Khu kinh tế Đình Vũ, quận Hải An,
 thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN

	30/09/2008	31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	2.577.019.104	23.844.854
Tiền gửi ngân hàng	46.122.844.723	12.784.271.790
	48.699.863.827	12.808.116.644

5. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2008	31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	164.751.409.043	73.847.786.596
Nguyên liệu, vật liệu	267.885.976.047	84.417.276.167
Công cụ, dụng cụ	19.473.354.675	12.243.346.347
Thành phẩm	342.816.853.410	4.972.404.705
Hàng hoá	139.136.739.869	-
	934.064.333.044	175.480.813.815
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (i)	(369.518.173.869)	(1.812.163.342)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	564.546.159.175	173.668.650.473

(i) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho toàn bộ nguyên vật liệu là thép phế và thành phẩm phôi thép còn tồn kho tại thời điểm ngày 30/09/2008 với số tiền là 369.518.173.869 VNĐ.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008, toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2008	84.666.517.206	146.169.075.754	4.700.683.151	-	435.378.528	235.971.654.639
Mua trong kỳ	1.280.053.974	4.991.281.483	4.927.294.045	397.810.678	61.290.000	11.657.730.180
Đầu tư XDCB hoàn thành	6.246.522.975	1.128.211.548	9.868.175.439	-	-	17.242.909.962
Phân loại lại	-	(1.013.150.606)	-	1.013.150.606	-	-
Tại ngày 30/09/2008	92.193.094.155	151.275.418.179	19.496.152.635	1.410.961.284	496.668.528	264.872.294.781
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KÈ						
Tại ngày 01/01/2008	8.066.820.381	18.363.863.679	730.112.910	42.993.162	-	27.203.790.132
Khấu hao trong kỳ	3.009.168.033	11.446.712.140	973.717.129	150.205.489	44.854.802	15.624.657.593
Phân loại lại	-	(196.942.349)	-	196.942.349	-	-
Tại ngày 30/09/2008	11.075.988.414	29.613.633.470	1.703.830.039	390.141.000	44.854.802	42.828.447.725
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/09/2008	81.117.105.741	121.661.784.709	17.792.322.596	1.020.820.284	451.813.726	222.043.847.056
Tại ngày 31/12/2007	76.599.696.825	127.805.212.075	3.970.570.241	(42.993.162)	435.378.528	208.767.864.507

Công ty đã thế chấp tài sản cố định là máy móc thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải và các tài sản cố định khác với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 09 năm 2008 là 238.835.319.123 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÌNH VŨ
 Lô C1, Khu kinh tế Đình Vũ, quận Hải An,
 thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VNĐ

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2008	12.005.818.060	1.455.238.095	13.461.056.155
Thuê trong kỳ	-	1.609.239.177	1.609.239.177
Phân loại lại	1.455.238.095	(1.455.238.095)	-
Tại ngày 30/09/2008	13.461.056.155	1.609.239.177	15.070.295.332
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2008	1.866.723.350	-	1.866.723.350
Khấu hao trong kỳ	1.153.864.926	82.998.532	1.236.863.458
Tại ngày 30/09/2008	3.020.588.276	82.998.532	3.103.586.808
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/09/2008	10.440.467.879	1.526.240.645	11.966.708.524
Tại ngày 31/12/2007	10.139.094.710	1.455.238.095	11.594.332.805

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VNĐ

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2008	18.720.000.000	22.000.000	110.001.000	18.852.001.000
Mua trong kỳ	-	25.792.000	-	25.792.000
Tại ngày 30/09/2008	18.720.000.000	47.792.000	110.001.000	18.877.793.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2008	1.486.305.663	4.425.617	23.393.961	1.514.125.241
Khấu hao trong kỳ	322.141.491	3.665.549	10.312.596	336.119.636
Tại ngày 30/09/2008	1.808.447.154	8.091.166	33.706.557	1.850.244.877
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/09/2008	16.911.552.846	39.700.834	76.294.443	17.027.548.123
Tại ngày 31/12/2007	17.233.694.337	17.574.383	86.607.039	17.337.875.759

Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 09 năm 2008 là 16.971.803.967 VNĐ để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÌNH VŨ
 Lô C1, Khu kinh tế Đình Vũ, quận Hải An,
 thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008	Năm 2007
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ kế toán	16.520.910.275	501.889.245
Tăng trong kỳ	311.711.760.390	17.181.231.276
Kết chuyển sang tài sản cố định	(17.242.909.962)	(1.107.666.878)
Giảm khác	(389.308.610)	(54.543.368)
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán	310.600.452.093	16.520.910.275

Giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/09/2008 bao gồm 308.823.941.382 VND là giá trị đầu tư nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt. Tình hình thực hiện đầu tư nhà máy như sau:

	01/01/2008 VND	Tăng trong năm VND	30/09/2008 VND
Hệ thống dây chuyền thiết bị	-	195.762.925.508	195.762.925.508
Hệ thống cọc bê tông nhà máy gang	10.281.900.969	22.513.409.991	32.795.310.960
Móng thiết bị NX và bãi luyện khu lò cao	-	7.900.000.000	7.900.000.000
Thi công XD CT nhà máy gang	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Móng lò cao và ống khói thiêu kết	-	3.192.083.636	3.192.083.636
Khu thiêu kết và khu lò cao	-	18.833.872.725	18.833.872.725
Hành lang băng tải	-	12.470.580.360	12.470.580.360
Các hạng mục khác	1.223.968.415	26.645.199.778	27.869.168.193
	11.505.869.384	297.318.071.998	308.823.941.382

Trong giá trị đầu tư nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt thì một số hạng mục với tổng giá trị đầu tư là 270.490.299.320 VND tại ngày 30/09/2008 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008	Năm 2007
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ kế toán	34.488.283.696	1.979.495.174
Tăng trong kỳ	31.004.677.263	36.576.021.914
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(4.661.629.545)	(4.067.233.392)
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán	60.831.331.414	34.488.283.696

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/09/2008		31/12/2007	
	VNĐ	USD	VNĐ	USD
Vay ngắn hạn	838.094.954.191	26.244.183	145.244.099.636	6.655.476
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - VNĐ (i)	304.534.076.598	-	37.997.000.000	-
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - USD (ii)	410.292.639.859	24.840.643	107.247.099.636	6.655.476
- Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - VNĐ (iii)	50.433.293.396	-	-	-
- Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - USD (iii)	23.182.274.640	1.403.540	-	-
- Ngân hàng TNHH Indovina - VNĐ (iv)	29.280.168.840	-	-	-
- Vay cổ đông (v)	18.462.060.858	-	-	-
- Vay nội bộ Công ty	1.910.440.000	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (vi)	17.976.482.904	-	14.120.000.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (vii)	3.592.545.150	-	3.674.404.000	-
	859.663.982.245	26.244.183	163.038.503.636	6.655.476

(i) Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - VNĐ là khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02-07/HM-ĐV ngày 18/09/2007 của Công ty với các ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng Indovina – Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Công ty Tài chính Dầu khí – Chi nhánh Hải Phòng trong đó ngân hàng đầu mối là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng). Hạn mức tín dụng của khoản vay là 370.000.000.000 VNĐ. Lãi suất của khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và không thay đổi trong suốt thời hạn của khoản vay. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - USD bao gồm:

- Là khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02-07/HM-ĐV ngày 18/09/2007 ký với các ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng Indovina – Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Hải Phòng, Công ty Tài chính Dầu khí – Chi nhánh Hải Phòng trong đó ngân hàng đầu mối là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng). Hạn mức tín dụng của khoản vay là 370.000.000.000 VNĐ. Lãi suất của khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, bằng bình quân lãi suất cho vay loại tiền tương ứng đối với tổ chức của các tổ chức tín dụng cho vay thông báo tại thời điểm nhận nợ nhưng không được thấp hơn 0,95%/tháng đối với khoản vay bằng VNĐ và 7,0%/năm đối với các khoản vay bằng USD và không thay đổi trong suốt thời hạn của khoản vay.

- Khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 03-07/HM-ĐV ngày 18/09/2007 với các ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh, trong đó ngân hàng đầu mối là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng). Hạn mức tín dụng của khoản vay là 285.000.000.000 VNĐ. Lãi suất của khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, bằng bình quân lãi suất cho vay loại tiền tương ứng đối với tổ chức của các tổ chức tín dụng cho vay thông báo tại thời điểm nhận nợ nhưng không được thấp hơn 0,95%/tháng đối với khoản vay bằng VNĐ và 7,0%/năm đối với các khoản vay bằng USD và không thay đổi trong suốt thời hạn của khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- Khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 03-08/HM-ĐV ngày 28/08/2008 của Công ty với các ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Ninh và Ngân hàng Công thương Ngô Quyền Hải Phòng trong đó Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng là ngân hàng đầu mối). Hạn mức tín dụng của khoản vay là 285.000.000.000 VNĐ. Lãi suất được xác định cho từng lần nhận nợ và được điều chỉnh một tháng một lần vào ngày làm việc đầu tiên sau ngày tính lãi của tháng trước. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 04-08/HM-ĐV ngày 19/09/2008 của Công ty với các ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Chi nhánh Ngân hàng Indovina Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng, Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí – Chi nhánh Hải Phòng trong đó Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng làm Ngân hàng đầu mối). Hạn mức tín dụng của khoản vay là 370.000.000.000 VNĐ. Lãi suất được xác định cho từng lần nhận nợ và được điều chỉnh một tháng một lần vào ngày làm việc đầu tiên sau ngày tính lãi của tháng trước. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(iii) *Khoản vay Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải VNĐ và USD* là khoản vay theo thư đề nghị cung cấp tiện ích số VHN CDT 08002 ngày 18 tháng 01 năm 2008 và thư gia hạn đề nghị cung cấp tiện ích chung số VHN CDT 080120 ngày 21 tháng 07 năm 2008 giữa Công ty với Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải – Chi nhánh Hà Nội. Tiện ích nhập khẩu là 7.000.000 USD. Lãi vay dành riêng cho nhập khẩu được tính ở mức SIBOR USD của thời hạn tương ứng (+) 2%/năm (đối với khoản vay USD) hoặc chi phí vốn vay VNĐ của thời hạn tương ứng (+) 1,5%/năm (đối với khoản vay bằng VNĐ). Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu nhập khẩu và mua trong nước hình thành từ vốn vay.

(iv) *Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina* bao gồm khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 15ST/TVBHP-CR08 ngày 31 tháng 03 năm 2008, giải ngân ngày 02 tháng 04 năm 2008 và hợp đồng tín dụng số 19/St/TVBHP – CR08 ngày 29 tháng 04 năm 2008, giải ngân ngày 29 tháng 04 năm 2008. Hạn mức tín dụng của các khoản vay lần lượt là 1.144.000 USD và 869.540,96 USD trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất của khoản vay là 20%/năm.

(v) Khoản vay Cổ đông

Ngày 04/04/2008, Đại hội Cổ đông thường niên năm 2007 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2007 là 45%. Tuy nhiên, để cân đối vốn giai đoạn I (nhà máy phôi) và đảm bảo vốn đối ứng cho nhà máy gang đang trong giai đoạn triển khai đạt được tiến độ đề ra, công ty xin vay lại cổ tức của các Cổ đông với lãi suất 1%/tháng đến ngày 30/06/2008. Ngày 30/06/2008 Công ty đã tiến hành chi trả số cổ tức và lãi cho các Cổ đông. Một số cổ đông tiếp tục cho Công ty vay tiếp phần cổ tức của mình đến 30/09/2008.

(vi) *Khoản vay dài hạn đến hạn trả:* được phân loại lại từ khoản vay dài hạn của các ngân hàng: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam và Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng.

(vii) *Khoản nợ dài hạn đến hạn trả:* được phân loại lại từ khoản nợ thuê tài chính dài hạn của Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/09/2008	31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	3.007.667.181	2.255.049.541
Thuế xuất nhập khẩu	8.696.507.724	62.913.868
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.114.681.930
Thuế thu nhập cá nhân	663.162.454	217.262.612
Các loại thuế khác	-	29.119.778
	12.367.337.359	3.679.027.729

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/09/2008		31/12/2007	
	VNĐ	USD	VNĐ	USD
Vay dài hạn (i)	252.282.697.818	9.495.191	90.657.000.000	-
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - VNĐ	94.266.904.664	-	90.500.000.000	-
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - USD	156.832.075.858	9.495.191	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	67.000.000	-	157.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu	566.667.300	-	-	-
- Ngân hàng TNHH Indovina	550.049.996	-	-	-
Nợ thuế tài chính dài hạn (ii)	3.709.665.938	-	3.293.465.337	-
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	1.492.858.438	-	2.963.458.337	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	2.216.807.500	-	330.007.000	-
	255.992.363.756	9.495.191	93.950.465.337	-

(i) Vay dài hạn

Ngân hàng Ngoại thương Việt nam (VNĐ) bao gồm các khoản vay:

- Khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 2004 ĐV 02/TD ngày 11/05/2006 cho Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất phôi thép giữa Công ty với các Ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền, Công ty Tài chính Dầu khí, trong đó ngân hàng đầu mối là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng) với số tiền là 115.000.000.000 VNĐ. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 120 tháng trong đó có 24 tháng ân hạn kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay đã được giải ngân lần đầu vào ngày 31/05/2007. Lãi suất của khoản vay được xác định 12 tháng một lần bằng lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền và lãi suất huy động tiền gửi cá nhân 12 tháng của Công ty Tài chính Dầu khí cộng (+) với 0,25%/tháng. Lãi được thanh toán 3 tháng một lần kể từ lần giải ngân đầu tiên.

- Khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng số 0107 TD-ĐV ngày 19/07/2007 cho dự án Nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt giữa Công ty với các Ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng trong đó Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng làm đầu mối) với số tiền là 312.000.000.000 VNĐ (trong đó vay USD là 79,54%). Thời hạn khoản vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên (ngày 28/07/2008) trong đó có 18 tháng ân hạn. Lãi suất của khoản vay bằng VNĐ bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ có kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương – Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Ngân hàng TMCP Hàng hải Hải Phòng cộng (+) 3,6%/năm nhưng không thấp hơn 1,05%/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 0108DH/VCBHP-ĐV ngày 05/03/2008 giữa Công ty với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng để đầu tư dự án mua 05 xe tải phục vụ sản xuất kinh doanh với số tiền là 4.122.000.000 VNĐ. Thời hạn khoản vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 05/03/2008). Lãi suất cho vay trong hạn được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng cộng (+) 0,3%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên. Gốc được trả 3 tháng một lần và trả vào cuối mỗi kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng 05 xe tải chuyên dụng phục vụ sản xuất kinh doanh theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0108 TC-ĐV ngày 05 tháng 03 năm 2008.

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 0208DH/VCBHP-ĐV ngày 28/03/2008 giữa Công ty với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng để đầu tư dự án mua 05 xe tải phục vụ sản xuất kinh doanh với số tiền là 4.037.500.000 VNĐ. Thời hạn khoản vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 28/03/2008). Lãi suất cho vay trong hạn được xác định theo thông báo lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng từng thời kỳ. Gốc được trả 3 tháng một lần và trả vào cuối mỗi kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng 05 xe tải chuyên dụng phục vụ sản xuất kinh doanh theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0108 TC-ĐV ngày 05 tháng 03 năm 2008.

Ngân hàng Ngoại thương Việt nam (USD) là khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng số 0107 TD-ĐV ngày 19/07/2007 cho dự án Nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt giữa Công ty với các Ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng trong đó Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng làm đầu mối) với số tiền là 312.000.000.000 VNĐ (trong đó vay USD là 79,54%). Thời hạn khoản vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên (ngày 28/07/2008) trong đó có 18 tháng ân hạn. Lãi suất của khoản vay bằng USD bằng lãi suất SIBOR (+) 2,5%/năm.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LD0709200004 ngày 02/04/2007 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hải Phòng số tiền là 367.000.000 VNĐ. Thời hạn của khoản vay là 36 tháng và kết thúc vào ngày 02/04/2010. Lãi suất của khoản vay là 1,1%/tháng áp dụng cho 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Lãi suất áp dụng từ năm thứ hai được thả nổi và sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 06 tháng một lần, được tính trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cộng (+) với biên độ là 0,4%/tháng nhưng không thấp hơn 1,1%/tháng. Lãi được trả vào ngày 10 hàng tháng. Công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2007 là 479.015.733 VNĐ.

Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 1603 – LAV – 2008 ngày 15/02/2008 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền là 1.200.000.000 VNĐ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay năm đầu là 1%/tháng. Từ năm thứ hai trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ theo biểu lãi suất công bố của Eximbank Hải Phòng cộng (+) 0,3%/tháng. Lãi vay và gốc vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 02 xe ô tô Camry với giá trị là 1.700.000.000 VNĐ.

Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 012MT/TVB HP-CR/2008 ngày 04/03/2008 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền là 1.100.000.000 VNĐ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất khoản vay bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng tại Ngân hàng TNHH Indovina cộng (+) 0,47%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Lãi vay và gốc vay được trả hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 02 xe ô tô Camry với giá trị là 1.700.000.000 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(ii) Nợ thuê tài chính dài hạn

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam: là các khoản nợ dài hạn với Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng cho thuê tài chính bao gồm:

- (1) Hợp đồng số 24.06.10/CTTC ngày 20/10/2006, nợ gốc là 2.415.000.000 VNĐ. Nợ gốc được thanh toán 3 tháng một lần với số tiền là 201.250.000 VNĐ vào ngày 15 hàng tháng;
- (2) Hợp đồng số 24.07.04/CTTC ngày 22/05/2007, nợ gốc là 960.000.000 VNĐ. Nợ gốc được thanh toán 3 tháng một lần với số tiền là 80.000.000 VNĐ vào ngày 15 hàng tháng;
- (3) Hợp đồng số 24.06.02/CTTC, nợ gốc là 2.710.000.000 VNĐ. Nợ gốc được thanh toán 3 tháng một lần với số tiền là 225.833.333 VNĐ vào ngày 15 hàng tháng;
- (4) Hợp đồng số 04.05.25 ngày 05/12/2005, nợ gốc là 2.424.000.000 VNĐ. Nợ gốc được thanh toán 3 tháng một lần với số tiền là 202.000.000 VNĐ vào ngày 15 hàng tháng;
- (5) Hợp đồng số 24.06.08/CTTC ngày 13/10/2006, nợ gốc là 631.825.000 VNĐ. Nợ gốc được thanh toán 3 tháng một lần với số tiền là 52.652.083 VNĐ vào ngày 15 hàng tháng;
- (6) Hợp đồng số 24.07.08/CTTC ngày 10/12/2007, nợ gốc là 1.222.400.000 VNĐ. Nợ gốc được thanh toán 3 tháng một lần với số tiền là 101.866.667 VNĐ vào ngày 15 hàng tháng; và
- (7) Hợp đồng số 27.08.09/CTTC ngày 21/07/2008, nợ gốc 430.000.000 VNĐ. Nợ gốc và lãi được trả 03 tháng 01 lần.

Lãi suất của các khoản cho thuê tài chính (1), (2), (3), (4), (5), (6) là 12,7%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh 06 tháng một lần căn cứ mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam cộng (+) với biên độ 0,37%/tháng.

Lãi suất của khoản cho thuê tài chính (7) từ thời điểm thanh toán khoản tiền đầu tiên đến ngày 15/10/2008 được xác định bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VNĐ của Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân (+) biên độ 0,2%/tháng. Sau đó, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

Thời gian cho thuê của các hợp đồng cho thuê tài chính là 36 tháng.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: là khoản nợ dài hạn với Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo các hợp đồng cho thuê tài chính:

- (1) Hợp đồng số 010-0000139/2007/HĐ-CTTC, nợ gốc là 1.100.000.000 VNĐ. Thời hạn nợ là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ. Nợ gốc được thanh toán vào ngày 15 hàng tháng. Lãi suất của khoản cho thuê tài chính là 1,2%/tháng cho kỳ thanh toán đầu tiên. Lãi suất từ kỳ thanh toán thứ 2 được thả nổi theo lãi suất huy động 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cộng (+) với phí thuê tài chính cố định là 0,42%/tháng;
- (2) Hợp đồng SBL010200807009 ngày 29/07/2008, nợ gốc là 2.144.520.000 VNĐ. Thời hạn cho thuê là 53 tháng trong đó có 5 tháng đầu tư và thời gian trả nợ là 48 tháng. Nợ gốc và lãi vay được thanh toán hàng tháng vào đầu kỳ. Lãi suất của khoản thuê tài chính là 1,75%/tháng đến ngày 31/08/2008. Từ ngày 01/09/2008 điều chỉnh theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố nhân với (x) 150%. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ vào ngày 01/03 và 01/09 hàng năm; và
- (3) Hợp đồng số 010-0000384/2008/HĐ-CTTC ngày 11/03/2008, nợ gốc khoản vay là 825.000.000 VNĐ. Thời hạn nợ là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ. Nợ gốc và lãi vay được thanh toán hàng tháng. Lãi suất của khoản thuê tài chính là 1,4%/tháng đến ngày 31/08/2008. Từ ngày 01/09/2008 lãi suất thả nổi theo lãi suất huy động 13 tháng (trả lãi cuối kỳ) của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín khu vực TP HCM cộng (+) phí thuê tài chính cố định là 0,4%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ vào ngày 01/03 và 01/09 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/09/2008	31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	17.639.999.572	14.120.000.000
Trong năm thứ hai	31.885.979.306	14.120.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	67.738.347.583	42.037.000.000
Sau năm năm	152.658.370.929	34.500.000.000
	269.922.697.390	104.777.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(17.639.999.572)	(14.120.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	252.282.697.818	90.657.000.000

Các khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/09/2008	31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	3.594.251.835	3.674.404.000
Trong năm thứ hai	2.153.591.750	3.293.465.337
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.422.041.688	-
Sau năm năm	134.032.500	-
	7.303.917.773	6.967.869.337
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(3.594.251.835)	(3.674.404.000)
Số phải trả sau 12 tháng	3.709.665.938	3.293.465.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ khen thưởng phúc lợi VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2007	109.708.300.000	1.590.560.213	-	-	-	(25.391.401.682)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	80.003.661.983
Tăng vốn trong năm	5.920.000.000	15.500.000.000	-	-	-	-
Trả lại vốn góp thừa	(80.000.000)	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác	(43.900.000)	43.900.000	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2007	115.504.400.000	17.134.460.213	-	-	-	54.612.260.301
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	-	(113.984.318.585)
Trích quỹ trong kỳ (i)	-	-	500.000.000	500.000.000	1.635.280.301	(2.635.280.301)
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.114.681.930
Chi cổ tức năm 2007 (i)	-	-	-	-	-	(51.976.980.000)
Giảm khác trong kỳ	-	-	-	-	-	(206.239.200)
Số dư tại ngày 30/09/2008	115.504.400.000	17.134.460.213	500.000.000	500.000.000	1.635.280.301	(113.075.875.855)

(i) Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên năm 2007 của Công ty ngày 04/04/2008 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2007 là 45% và thông qua phương án trích lập các quỹ Công ty.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 29/09/2007, vốn điều lệ của Công ty là 115.504.400.000 VNĐ. Tại ngày 30/09/2008, tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Vốn đã góp			
	30/09/2008 (VNĐ)	(%)	31/12/2007 (VNĐ)	(%)
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí	49.197.130.000	42,59	49.197.130.000	42,59
Cổ đông khác	66.307.270.000	57,41	66.307.270.000	57,41
	115.504.400.000	100	115.504.400.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÌNH VŨ
 Lô C1, Khu kinh tế Đình Vũ, quận Hải An,
 thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008	Từ ngày 01/01/2007 đến ngày 30/09/2007 (Chưa kiểm toán)
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng	1.674.307.535.065	780.714.929.477
Doanh thu bán phối thép	1.301.648.888.141	761.742.110.319
Doanh thu bán phế liệu	21.461.396.364	-
Doanh thu bán hàng hóa	347.812.455.896	18.505.243.863
Doanh thu khác	3.384.794.664	467.575.295
Các khoản giảm trừ	(22.908.234.635)	(63.603.935)
Doanh thu thuần bán hàng	1.651.399.300.430	780.651.325.542

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008	Từ ngày 01/01/2007 đến ngày 30/09/2007 (Chưa kiểm toán)
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.040.968.143	369.205.082
Lãi cho vay vốn	11.333.100	-
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	30.657.786.969	448.154.296
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.788.944.702	-
	37.499.032.914	817.359.378

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008	Từ ngày 01/01/2007 đến ngày 30/09/2007 (Chưa kiểm toán)
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền vay	67.934.756.529	21.736.223.213
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	19.946.634.580	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.207.656.957	1.333.876.871
	90.089.048.066	23.070.100.084

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÌNH VŨ
 Lô C1, Khu kinh tế Đình Vũ, quận Hải An,
 thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008 VNĐ	Từ ngày 01/01/2007 đến ngày 30/09/2007 (Chưa kiểm toán) VNĐ
Thu nhập khác	5.132.003.528	385.832.670
Thanh lý tài sản	9.500.000	-
Thu nhập khác	5.122.503.528	385.832.670
Chi phí khác	812.839.766	2.805.606
Phạt vi phạm hợp đồng	2.747.806	-
Chi khác	810.091.960	2.805.606
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	4.319.163.762	383.027.064

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008 VNĐ	Từ ngày 01/01/2007 đến ngày 30/09/2007 (Chưa kiểm toán) VNĐ
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	(113.984.318.585)	81.118.343.913
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	15.190.595.967	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	15.190.595.967	-
Thu nhập chịu thuế	(98.793.722.618)	81.118.343.913
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008 VNĐ	Năm 2007 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.101.866.998	620.938.199

Các khoản thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê 43.580 m² đất tại Khu Công nghiệp Đình Vũ – Thành phố Hải Phòng theo hợp đồng kinh tế số DVD.92/2007/LLC/Mkg ký ngày 23/08/2007 với Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với giá thuê 49 USD/m². Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 475 tháng (tương đương 39,58 năm) kết thúc vào ngày 02/04/2047. Tổng giá trị của hợp đồng là 2.135.420 USD, đến ngày 30/09/2008 số tiền đã được trả cho bên cho thuê là 1.921.878 USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Các khoản thuê hoạt động thể hiện (Tiếp theo):

- Tổng số tiền thuê 19150 m² đất tại Khu Công nghiệp Đình Vũ – Thành phố Hải Phòng theo hợp đồng ký với Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí với giá thuê 625.025 VNĐ/m² trong 49 năm. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 49 năm kết thúc vào ngày 02/04/2047. Tổng giá trị của hợp đồng là 11.969.233.210 VNĐ đã được trả toàn bộ cho bên cho thuê.
- Tiền thuê 17.430 m² đất tại Khu Công nghiệp Đình Vũ – Thành phố Hải Phòng theo hợp đồng số 0110/07-HĐ/SSC ngày 31 tháng 01 năm 2008 với Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí, giá thuê là 48,80 USD/m² trong 39,5 năm. Hợp đồng được kết thúc vào ngày 02/04/2047. Tổng giá trị của hợp đồng là 857.738 USD. Đến ngày 30/09/2008, Công ty đã trả 13.816.046.238 VNĐ.

21. CÁC CAM KẾT KHÁC

Đầu tư Dự án Nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 12/08/2006 về việc đầu tư dự án nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 1505071/QĐ-HĐQT ngày 15/05/2007 về việc đầu tư và phê duyệt dự toán đầu tư dự án nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt tại Khu kinh tế Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Theo đó, tổng dự toán vốn đầu tư xây dựng cho dự án là 592.260.480.000 VNĐ. Đến thời điểm ngày 30/09/2008, giá trị thực hiện đầu tư của dự án là 308.823.941.383 VNĐ. Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 0107 TD-ĐV ngày 19/07/2007 với các Ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng trong đó Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng làm đầu mối) cam kết cho vay đối với dự án này là 312.000.000.000 VNĐ.

Đầu tư Dự án Nhà máy luyện than cốc

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 04/04/2008 về việc xây dựng Nhà máy than cốc 400.000 – 470.000 tấn/năm tại khu đất 15,5 ha thuộc xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, ngày 23/08/2008, Hội đồng Quản trị đã có Quyết định số 2308085/QĐ-HĐQT về việc đầu tư và phê duyệt dự toán đầu tư Dự án Nhà máy luyện than cốc. Theo đó, tổng dự toán đầu tư cho dự án là 1.037.005.000.000 VNĐ. Đến thời điểm ngày 30/09/2008, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 294.216.077 VNĐ.

Góp vốn thành lập Công ty Liên doanh Khoáng sản tại Lào

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 04/04/2008 về việc thành lập Công ty Liên doanh Khoáng sản tại Lào với mục đích khai thác, chế biến quặng sắt xuất khẩu về Việt Nam phục vụ cho nhu cầu nguyên liệu của Nhà máy gang, ngày 06/07/2008, Công ty cùng với Công ty Souphatthone Tư vấn và Dịch vụ Tổng hợp và Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí đã ký hợp đồng hợp tác liên doanh thành lập Công ty Cổ phần Khoáng sản Khăm Hải tại Lào với vốn đầu tư ban đầu là 9.999.999 USD. Theo hợp đồng hợp tác liên doanh này, Công ty sẽ chiếm 70% quyền biểu quyết trên vốn chủ sở hữu.

Phát hành thêm cổ phần

Theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 04/04/2008, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã thống nhất về việc phát hành thêm cổ phần của Công ty. Theo đó, mỗi cổ phần của cổ đông hiện hữu được quyền mua thêm 1,1 cổ phần với giá mua bằng mệnh giá (10.000 VNĐ/ cổ phần). Ngày 29/10/2008, Công ty đã nhận được Quyết định số 348/UBCK-GCN của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định cho phép Công ty thực hiện việc phát hành cổ phần này. Dự kiến việc phát hành thêm cổ phần sẽ được thực hiện xong trong tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÌNH VŨ
 Lô C1, Khu kinh tế Đình Vũ, quận Hải An,
 thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008 VNĐ	Từ ngày 01/01/2007 đến ngày 30/09/2007 (Chưa kiểm toán) VNĐ
Bán hàng		
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí	61.184.936.084	12.932.080.020
Mua hàng		
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí	195.671.229.254	127.344.874.417

Số dư với các bên liên quan:

	30/09/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Các khoản phải trả		
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí	24.203.085.234	43.111.863.036
Công ty TNHH Thương mại Dương Hiếu	1.968.210.656	-
Các khoản ứng trước		
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí	6.993.759.940	-

Thu nhập của Ban Giám đốc:

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008 VNĐ	Từ ngày 01/01/2007 đến ngày 30/09/2007 (Chưa kiểm toán) VNĐ
Lương, thu nhập khác	847.162.525	445.770.000

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01/01/2007 đến ngày 30/09/2007 chưa được kiểm toán.

Văn phòng Hà Nội

8-Phạm Ngọc Thạch
Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84-4 3852 4123
Fax: +84-4 3852 4143

Văn phòng Tp.Hồ Chí Minh

Lầu 11, Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84-8 3 910 0751
Fax: +84-8 3 910 0750

Văn phòng Hải Phòng

99 Bạch Đằng
Quận Hồng Bàng
Tp. Hải Phòng, Việt Nam
Tel : +84-31 366 9133
Fax: +84-31 366 9414